

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2022/HC-PT**

Ngày 06 - 4 - 2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 279/2021/TLPT-HC ngày 05-10-2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 22-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1353/2022/QĐ-PT ngày 18/3/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Ngọc H.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố G, phường H, thị xã H1, Bình Định.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 2, khu phố C, phường T, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ch - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ch - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tấn L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Có đơn xin vắng mặt.

3. Hợp tác xã nông nghiệp H.

Địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tr - Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp H. Vắng mặt.

4. Bà La Thị L1; trú tại: Tổ 2, khu phố C, phường T, thị xã H1, tỉnh Bình Định; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T1;

6. Anh Trần Ngọc L2;

Bà Nguyễn Thị T1 và anh Trần Ngọc L2; đều trú tại: Tổ 3, khu phố G, phường H, thị xã H1, Bình Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn T2; trú tại: Tổ 5, khu phố G, phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Ông Đặng Ngọc H1; trú tại: Tổ 4, khu phố A, phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T3;

4. Ông Nguyễn S;

5. Ông Phan Văn H2;

Bà T3, ông S và ông H2; đều trú tại: Tổ 3, khu phố G, phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Thanh H3. Trú tại: Khu phố H4, phường H5, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Ngọc H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Dự án xây dựng Cụm công nghiệp H, hộ gia đình ông Trần Ngọc H bị ảnh hưởng thu hồi thửa đất số 656, tờ bản đồ số 07, diện tích 11.170,8m² tọa lạc tại phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định (thửa đất số 656).

Thửa đất nói trên có nguồn gốc là cụ Nguyễn T4 (ông ngoại ông H) mua lại của người khác; sau khi cụ Nguyễn T4 chết thì để lại cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị T1 canh tác từ trước năm 1975. Sau năm 1975, mẹ ông tiếp tục canh tác ổn định cho đến năm 1990 thì cho lại vợ chồng ông; việc mẹ ông cho đất vợ chồng ông có giấy tờ viết tay nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi được mẹ cho đất, vợ chồng ông tiếp tục canh tác ổn định cho đến khi bị thu hồi. Trước khi mẹ ông cho đất vợ chồng ông thì mẹ ông có trồng bạch đàn, đào, mít, xoài, mỳ, lang, thuốc lá; ngoài ra, trên đất còn có mồ mả của ông bà,

không có xây dựng công trình nhà cửa nào trên đất. Sau khi được mẹ cho đất, vợ chồng ông tiếp tục trồng keo lai, bạch đàn, đào, mít và không xây dựng bất kỳ công trình, nhà cửa nào trên đất.

Vào ngày 20-10-2011, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 có tổ chức đấu giá thanh lý cây đào, vợ chồng ông đã trúng đấu giá với số tiền 14.960.000 đồng với mục đích là mua cây đào của hợp tác xã về làm củi.

Vào tháng 02/2020, khi chính quyền địa phương đến lấy đất giao cho doanh nghiệp thì vợ chồng ông đến Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định (UBND phường H) khiếu nại thì mới biết là UBND phường H đã xác nhận thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi của gia đình ông bà trong dự án Cụm công nghiệp H thuộc quỹ đất do UBND phường H quản lý. Trước đó khi nhận tiền bồi thường thì chính quyền địa phương bảo nhận bao nhiêu tiền đó thì hộ gia đình ông nhận chứ không biết nội dung xác nhận nguồn gốc đất nói trên của UBND phường H.

Việc xác nhận nguồn gốc đất nói trên của UBND phường H không đúng đã ảnh hưởng đến việc áp giá, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông không thỏa đáng vì thửa đất số 656 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông, tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, mẹ ông không đưa thửa đất trên vào hợp tác xã và hộ gia đình ông vẫn canh tác ổn định cho đến khi bị thu hồi đất. Do đó, vợ chồng ông khiếu nại yêu cầu xem xét lại việc xác nhận nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của UBND phường H đối với thửa đất số 656. Ngày 03/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định (Chủ tịch UBND thị xã H1) đã ban hành Văn bản số 1022/UBND-TNMT (Văn bản số 1022) có nội dung không có cơ sở xem xét giải quyết đối với nội dung khiếu nại nói trên của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1022.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 15-12-2021, ông còn thống nhất một số nội dung sau:

- Về giá trị bồi thường tài sản trên đất, ông thống nhất theo biên bản kiểm kê và giá trị bồi thường là 185.465.000 đồng; hiện nay vợ chồng ông đã nhận tiền và không có ý kiến gì khác.

- Mẹ ông là xã viên hợp tác xã và đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo quy định; các thửa đất đã được nhà nước cân đối giao quyền cho hộ gia đình ông không bao gồm thửa đất số 656. Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông không có ai thực hiện việc khiếu nại hoặc có ý kiến gì khác.

- Từ trước đến nay, hộ gia đình ông không đăng ký kê khai và yêu cầu Nhà nước lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 656 cũng như nộp thuế đất cho địa phương vì gia đình không biết, cứ nghĩ đất của gia đình nên cứ canh tác bình thường.

- Ngoài Văn bản số 1022, ông không khởi kiện bất kỳ quyết định hành chính nào khác. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông thì ông sẽ làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định (UBND

thị xã H1) và Chủ tịch UBND thị xã H1 xem xét lại các quyết định hành chính liên quan việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình ông tại Cụm công nghiệp H.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, ông Trần Ngọc H còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông H không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Văn Chung - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1 trình bày:

Cụm công nghiệp H ở phường H, thị xã H1 được thành lập theo Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 18-9-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng tại Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 11-4-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Trong đó, phần diện tích đất mà ông Trần Ngọc H có yêu cầu do bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp H có số hiệu 656, tờ bản đồ số 07, diện tích 11.170,8m², loại đất: CLN (đất trồng cây lâu năm) (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do UBND xã H (UBND phường H) và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất H1 (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã H1) lập và xác nhận ngày 15-7-2015 để phục vụ cho việc kiểm kê tài sản trên đất, bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng.

Hợp tác xã Nông nghiệp G1 thành lập năm 1980 (Đến năm 2016 là Hợp tác xã Nông nghiệp H). Từ trước ngày 15-10-1993, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 trồng đào trên thửa đất số 585, tờ bản đồ số 19 (Bản đồ năm 1997), xã H (theo Biên bản lập ngày 19-4-2001 giữa UBND xã H và Hợp tác xã Nông nghiệp G1). Sau ngày 15-10-1993, diện tích trên được giao lại cho UBND xã H quản lý và UBND xã H giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp G1 thuê đất để tiếp tục khai thác cây đào, đồng thời tiến hành Hợp đồng giao khoán cây đào cho các xã viên thời hạn 05 năm, ăn chia theo tỷ lệ phần trăm với Hợp tác xã.

Theo Hồ sơ địa chính năm 1997, phần diện tích ông H đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 585, tờ bản đồ số 19 (Bản đồ năm 1997), diện tích 264.000m², loại đất RTS (rừng trồng sản xuất), Sổ mục kê đất ghi tên chủ sử dụng đất: UBND xã H.

Theo Bản đồ VN-2000, phần diện tích ông H đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 325, tờ bản đồ số 07, diện tích 284.450m², loại đất LNC (đất trồng cây lâu năm), Sổ mục kê đất ghi tên chủ sử dụng đất: Hợp tác xã Nông nghiệp G1.

Ngày 20-10-2011, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 tổ chức đấu giá, thanh lý cây đào thuộc vườn đào của Hợp tác xã, trong đó ông Trần Ngọc H trúng đấu giá tại vùng Hương 2 Gò Sơn Thi với giá 14.960.000 đồng.

Ngày 01-11-2011, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 thanh lý vườn đào trên đất

vùng Hương 2 Gò Sơn Thi cho ông H với số tiền 14.960.000 đồng. Theo Biên bản thanh lý vườn đào ký hết giữa Hợp tác xã Nông nghiệp G1 với ông H thì ông H được quản lý khai thác cây đào, riêng phần diện tích đất, hộ mua đào phải ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước và chịu thuế. Thực tế, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 đã sử dụng đất từ trước đến nay và đã nộp thuế sử dụng đất từ năm 2010-2014.

Tháng 5/2015, Hội đồng Giải phóng mặt bằng Cụm công nghiệp H đã thông báo chủ trương thu hồi đất, hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất đai, công trình vật kiến trúc và tài sản trên đất bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng; trong đó có hộ ông H kê khai, kiểm kê tài sản trên đất, lập, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ được gia đình ông H thống nhất. Vào ngày 07-3-2016, hộ ông H đã thống nhất ký nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 185.465.000 đồng. Về đất đai, diện tích 11.170,8m², trong đó có 45m² đất mồ mã, còn lại 11.125,8m² thuộc đất công ích do UBND phường H quản lý theo xác nhận của UBND phường H tại Công văn số 86/UBND-ĐC ngày 15-12-2015, được UBND huyện H1 (UBND thị xã H1) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho UBND phường H. Ngày 19-4-2016, UBND phường H đã chi tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho hộ ông Trần Ngọc H, ông H đã ký nhận đủ số tiền 64.084.6000 đồng.

Việc UBND phường H xác nhận phần diện tích đất mà ông H có yêu cầu do bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp H có số hiệu 656, tờ bản đồ số 07, diện tích 11.170,8m², loại đất: CLN (đất trồng cây lâu năm) thuộc quỹ đất do UBND phường H quản lý là đúng nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai ngày 29-11-2013 “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và căn cứ Công văn số 5156/UBND-TD ngày 11-11-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định “Chỉ ban hành công văn trả lời cho công dân về việc không thừa nhận khiếu nại đòi lại đất cũ đã được Nhà nước giao cho công dân về việc không thừa nhận khiếu nại đòi lại đất cũ đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng, không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại” thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu và căn cứ để Chủ tịch UBND thị xã H1 ban hành Văn bản số 1022 là đúng quy định.

Do đó, Chủ tịch UBND thị xã H1 và UBND thị xã H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1022. Ngoài ra, Chủ tịch UBND thị xã H1 và UBND thị xã H1 không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Tấn L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định trình bày:

UBND phường H thống nhất như nội dung trình bày của Chủ tịch UBND thị xã H1 và UBND thị xã H1 về nguồn gốc thửa đất có số hiệu 656, tờ bản đồ số 07, diện tích 11.170,8m², loại đất: CLN (đất trồng cây lâu năm) mà ông Trần Ngọc H có yêu cầu do bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp H.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, ông Trần Ngọc H được cân đối giao quyền sử dụng đất trong hộ bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột ông H) và hộ bà T1 được cân đối 06 thửa đất sau: Thửa đất số 278, tờ bản đồ số 19, diện tích 856m² (trong đó 200m² đất ở và 656m² đất vườn); thửa đất số 241B, tờ bản đồ số 19, diện tích 288m², loại đất ĐRM; thửa đất số 243A, tờ bản đồ số 19, diện tích 192m², loại đất ĐRM; thửa đất số 92R, tờ bản đồ số 19, diện tích 224m², loại đất ĐRM; thửa đất số 265D, tờ bản đồ số 19, diện tích 80m², loại đất ĐRM; thửa đất số 246D, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.000m², loại đất Lúa.

Ngoài ra, hộ ông H không được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 656, tờ bản đồ số 07. Hiện nay, Hợp tác xã nông nghiệp G1 xác nhập vào Hợp tác xã nông nghiệp Đê Đức thành Hợp tác xã nông nghiệp H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1022, UBND phường H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, UBND phường H không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn Tr - Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp H trình bày:

Hợp tác xã nông nghiệp H thống nhất như nội dung trình bày của Chủ tịch UBND thị xã H1 và UBND thị xã H1 về nguồn gốc thửa đất có số hiệu 656, tờ bản đồ số 07, diện tích 11.170,8m², loại đất: CLN (đất trồng cây lâu năm) mà ông Trần Ngọc H có yêu cầu do bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1022, Hợp tác xã nông nghiệp H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, Hợp tác xã nông nghiệp H không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà La Thị L1, bà Nguyễn Thị T1 và anh Trần Ngọc L2 thống nhất trình bày:

Bà La Thị L1, bà Nguyễn Thị Thuận và anh Trần Ngọc L2 là các thành viên trong hộ gia đình của ông Trần Ngọc H. Những người nói trên thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H; ngoài ra, không có ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người làm chứng là ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn S và ông Phan Văn H2 thống nhất trình bày:

Các ông bà là dân địa phương, ở gần thửa đất mà hiện nay ông Trần Ngọc H đang khiếu nại.

Ông H sống chung một nhà với bà Nguyễn Thị T1, ông H nuôi bà T1. Trước đây, ông H với bà T1 sống tại ngôi nhà gần thửa đất mà hiện nay ông H đang khiếu nại; sau này ông H và bà T1 chuyển về ở tại ngôi nhà hiện nay; còn ngôi nhà cũ giao lại cho bà Trần Thị H5 (chị gái ông H) ở. Thửa đất mà ông H đang khiếu nại là khu đất gò ở trên cao, thuộc Cụm công nghiệp H.

Từ trước đến nay, các ông bà sống tại địa phương và thấy trước năm 1975, ông ngoại của ông H là cụ Nguyễn T4 canh tác trồng đào, dứa, ổi... trên thửa đất nói trên. Trong giai đoạn chiến tranh, có một thời gian thửa đất trên bị địch chiếm đóng, cụ T4 không canh tác nữa. Sau năm 1975, sau khi giải phóng, các ông bà thấy ông Tước tiếp tục canh tác trên đất. Sau khi cụ Nguyễn Tước chết thì để lại cho mẹ ông H là bà Nguyễn Thị T1 canh tác. Khi bà T1 già yếu thì vợ chồng ông H tiếp tục canh tác, khai thác đào, dứa và một số cây hoa màu khác trên đất. Ngoài ra, theo các ông bà được biết là ông bà ông H có rất nhiều đất, khu đất của bà Hiệu và ông H là đất của ông bà để lại, nằm liền kề nhau, thuộc khu đất gò Cụm công nghiệp H; được bà Hiệu, ông H trồng đào, dứa và một số cây hoa màu khác.

Hộ gia đình của bà T1, ông H là xã viên hợp tác xã. Việc gia đình ông H đăng ký kê khai, nộp thuế sử dụng đất hoặc có được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không và cụ thể như thế nào các ông bà không biết vì đó là việc riêng của gia đình ông H. Việc nhà ông H khiếu nại và các cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định như thế nào các ông bà không biết.

Vì lý do ở xa, đi lại khó khăn nên các ông bà xin vắng mặt tại các phiên tòa do Tòa án nhân dân các cấp triệu tập.

Người làm chứng, ông Nguyễn Thanh H3 và ông Đặng Ngọc H1 thống nhất trình bày:

Cách đây khoảng 11-12 năm, các ông có đi làm thuê, dọn dẹp cây cối giúp cho ông H. Khi đó, các ông thấy đất của nhà ông H đang trồng bạch đàn, xoài, mít là ở phía trong; còn đất trồng đào là ở phía ngoài.

Nguồn gốc đất của nhà ông H như thế nào; việc nhà ông H đăng ký kê khai, nộp thuế sử dụng đất hoặc có được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất hay không và cụ thể như thế nào các ông không biết vì đó là việc riêng của gia đình ông H, các ông chỉ đến làm công vài ngày rồi không làm nữa.

Vì lý do ở xa, đi lại khó khăn nên các ông xin vắng mặt tại các phiên tòa do Tòa án nhân dân các cấp triệu tập.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11-11-2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19-6-2015; Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22-11-2019; Luật Đất đai ngày 29-11-2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11-11-2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20-10-2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Văn bản số 5156/UBND-TD ngày 11-11-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1022/UBND-TNMT ngày 03-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ông Trần Ngọc H làm đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc H đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 22-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện: Ngày 03-11-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định ban hành Văn bản số 1022/UBND-TNMT về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Ngọc H đối với diện tích đất tranh chấp phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Ngày 15-10-2020, ông Trần Ngọc H làm đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015 là đúng pháp luật.

[2] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ Nguyễn T4 nhận chuyển nhượng của người khác và để lại cho mẹ ông Trần Ngọc H là bà Nguyễn Thị T1 canh tác từ trước năm 1975. Thực hiện Dự án xây dựng Cụm công nghiệp H, hộ gia đình ông Trần Ngọc H bị ảnh hưởng bởi dự án đối với thửa đất số 656, tờ bản đồ số 07, diện tích 11.170,8m² tại phường H, thị xã H1, tỉnh Bình Định. Ông Trần Ngọc H cho rằng vợ chồng ông được bà T1 có giấy tay cho đất (không có xác nhận của chính quyền địa phương), nhưng

nhà nước chỉ thu hồi đất của Hợp tác xã nông nghiệp G1 và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho ông là không đúng. Tuy nhiên, ông H thừa nhận từ trước đến nay hộ gia đình ông không đăng ký, kê khai ghi trong Sổ địa chính của UBND phường H để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[3] Theo Hồ sơ địa chính và Bản đồ địa chính năm 1997, phần diện tích ông H đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 585, tờ bản đồ số 19, diện tích 264.000m² (loại đất RTS), Sổ mục kê đất ghi tên chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân xã H. Theo Bản đồ VN-2000, phần diện tích này thuộc một phần thửa đất số 325, tờ bản đồ số 07, diện tích 284.450m² (loại đất LNC), Sổ mục kê đất ghi tên chủ sử dụng đất: Hợp tác xã Nông nghiệp G1. Trước ngày 15-10-1993, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 trồng đào trên thửa đất số 585, tờ bản đồ số 19 tại xã H được thể hiện tại Biên bản lập ngày 19-4-2001 giữa UBND xã H và Hợp tác xã Nông nghiệp G1. Sau ngày 15-10-1993, diện tích trên được giao lại cho UBND xã H quản lý và UBND xã H giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp G1 thuê đất để tiếp tục khai thác cây đào. Đồng thời, lập Hợp đồng giao khoán cây đào cho các xã viên thời hạn 05 năm. Ngày 20-10-2011, Hợp tác xã Nông nghiệp G1 tổ chức thanh lý cây đào thuộc vườn đào của Hợp tác xã, ông Trần Ngọc H trúng đấu giá vườn đào trên đất vùng Hương 2 Gò Sơn Thi và đã nhận số tiền 14.960.000 đồng. Theo Biên bản thanh lý vườn đào ký hết giữa Hợp tác xã Nông nghiệp G1 với ông H thì ông H được quản lý khai thác cây đào, riêng phần diện tích đất, hộ mua đào phải ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước và chịu thuế từ năm 2010-2014.

[4] Mặt khác, khi Nhà nước cân đối giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì hộ ông Trần Ngọc H được giao 06 thửa đất, không bao gồm thửa số hiệu 656, tờ bản đồ số 07 và hộ gia đình ông không có khiếu nại hay ý kiến gì. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 656, diện tích 11.170,8m² đất này đã được giao cho Hợp tác xã Nông nghiệp G1. Do đó, Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai qua các thời kỳ (Điều 2 Luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003, khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013). Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc H đề nghị hủy Văn bản số 1022 là đúng pháp luật.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc H, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Ông Trần Ngọc H là con ruột của liệt sỹ nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 22-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Xử:

Áp dụng Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 5, Điều 26; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11-11-2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19-6-2015; Văn bản số 5156/UBND-TD ngày 11-11-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1022/UBND-TNMT ngày 03-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 ; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Ngọc H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06 - 4 - 2022./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu